

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HS-ST
Ngày 19-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Thị Loan;

2. Nguyễn Thị Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 9 năm 2023, đối với:

Bị cáo Đỗ Ngọc V sinh ngày 15/8/1952; nơi sinh: Huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Ngọc C và bà: Nguyễn Thị X (đều đã chết); vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1956; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1991;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/3/2023.

Bị hại: Ông Đỗ Văn T sinh năm 1961 (đã chết)

Người đại diện theo pháp luật của bị hại:

- Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1967 (vợ bị hại); địa chỉ: Thôn Đ, xã S, Huyện P, tỉnh Thái Bình

- Chị Đỗ Ngọc D sinh năm 1991

Địa chỉ: K, T, TT, Thành phố Hà Nội (Con gái bị hại)

Chị D ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đỗ Gia B sinh năm 2016 (Con trai bị hại)

Cháu Đỗ Gia H sinh năm 2016 (Con gái bị hại)

Người đại diện theo pháp luật của cháu B, cháu H: Bà Trịnh Thị M - là mẹ đẻ.

Người làm chứng:

- Ông Đỗ Thế T1, sinh năm 1952

- Bà Lê Thị T2, sinh năm 1950

- Anh Đỗ Trí D, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã S, Huyện P, tỉnh Thái Bình

- Bà Nguyễn Thị A sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện P, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, bà M, ông T1 và bà T2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đỗ Ngọc V là chú họ của ông Đỗ Thế T1 và ông Đỗ Văn T. Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 13/01/2023, ông T1 mời V và ông T đến ăn cơm, uống rượu tại nhà bếp của gia đình. V tới trước, ông T đến sau. Cả ba ngồi ăn, uống rượu một lúc thì ông T bảo V “*mày quen cán bộ để tham ô*”. V hỏi “*tao có làm cán bộ đâu mà mày bảo tao tham ô*”. Ông Thiệu cầm đĩa ăn chỉ vào mặt V chửi “*đ/m mày, mày là thằng đểu, chuyên ăn trộm ăn cắp và tham ô*”. V đáp “*mày ngày xưa cũng thế*”. Ông T nói “*tao đâm phát thì mày chết*”. V nói “*như mày thì sao mà đánh được tao*”. Thấy vậy, ông T1 nói “*không ăn uống gì nữa, lên phòng khách uống nước*”. Cả ba đứng dậy. V cùng ông T1 đi lối cửa lách lên phòng khách, ông T1 ngồi ở ghế bên trái, V ngồi ở ghế phía bên phải hướng cửa chính vào; ông Thiệu ra đứng ở sân. Nghe tiếng cãi chửi nhau, bà Trịnh Thị M (vợ ông T), đi sang nhà ông T1. Ông T đi lên nhà thờ họ, bà Mùi vào ngồi cùng ghế với ông T1. Ít phút sau, ông T từ ngoài hiên theo cửa chính vào trong phòng khách nhà ông T1 vừa đi vừa chửi “*Đ/m mày, tao sẽ đánh mày*”. Cách V ngồi khoảng 01 mét, ông Thiệu chửi “*Đ/m mày tao phải đâm mày*”. V đứng dậy đối diện cách ông T khoảng 60 đến 70 cm. Ông T vung tay khua, đâm liên tiếp 03 đến 04 nhát vào mặt V, làm chiếc kính V đeo rơi xuống nền nhà. Bị đánh, V lao vào hai tay xua gạt, ôm giữ người, đẩy ông T lùi ra phía cửa chính bên phải hướng từ phòng khách nhìn ra. Ông T bị va mông, lưng vào góc bên phải khung

gỗ cánh cửa, gần cửa vào buồng. Tiếp đến, V đưa chân phải vào giữa hai chân ông Thiệu, kết hợp dùng lực của chân và tay vật xoắn ông T sang phía bên phải, làm ông T ngã nghiêng trái, đập vùng cằm xuống nền phòng khách lát gạch hoa. Trong lúc V ôm vật ông T, thì bà Mùi nhặt kính ông V rơi, ông T1 lấy nước pha trà nên không biết, chỉ khi nghe tiếng “cộp”, cả hai quan sát thấy ông Thiệu đã nằm ngửa dưới nền nhà, mắt mở to, đầu quay hướng buồng, chân duỗi thẳng hướng ra cổng, tay để trước ngực; còn V đứng, chân phải ở giữa 02 chân ông T. Ông T1 nói “*thôi chết rồi*”. Bà M hỏi “*ông đánh nhà cháu làm sao rồi đây này*” rồi ngồi xuống nâng đầu ông T lên. Ông T1 bảo “*đưa nó về nhà cho nó nằm*”. Bà Mùi dùng hai tay kéo ông T ra hiên. Lúc này, Bà Lê Thị T2, ở cùng thôn, sang thấy ông T nằm bất động ở hiên nên bảo “*đi vào trong nhà cháu, nóng thế này nằm đây làm gì*”. V nói “*kệ nó, nó giả vờ đấy*”. Thấy đầu ông Thiệu có máu, bà Mùi đi lấy khăn lau rồi cùng V và bà T2 đưa ông T về nhà. Sau đó, V đi xe đến nhờ bác sỹ Nguyễn Thị A, tới thăm khám cho ông T. Ông T được gia đình đưa tới Bệnh viện Đa khoa uyện P, chuyển Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, cấp cứu đến chiều ngày 14/01/2023, do thương tích nặng, không cứu chữa được, gia đình xin ra viện. Hậu quả: ông T bị chấn thương sọ não tử vong hồi 06 giờ 03 phút ngày 15/01/2023.

Bản kết luận giám định số 73/KL-KTHS ngày 08/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận:

“1. Các dấu hiệu chính qua giám định: *Kết quả khám nghiệm tử thi Đỗ Văn T: Khám ngoài: Trên tử thi có các vết sây sát da, sưng nề, bầm máu tại vùng đầu, cổ, lưng, tay và chân. Khám trong: Vỡ xương sọ vùng giữa cằm và vùng cằm trái; xuất huyết dưới nhện lan tỏa hai bên bán cầu, vùng trán đỉnh thái dương hai bên; tụ máu mặt trước tiểu não hai bên, phù não. Kết quả giám định mô bệnh học: Hình ảnh khoang dưới nhện sung huyết, xuất huyết mạnh; phổi sung huyết, xuất huyết, tắc vi mạch rải rác, dị vật trong lòng phế quản; cơ tim thoái hóa thiếu dưỡng, hoại tử rải rác; các tạng còn lại sung huyết/gan thoái hóa mỡ nặng, viêm xơ gan mạn. Kết quả giám định độc chất: Trong mẫu phù tạng, chất chứa trong dạ dày máu, không tìm thấy các chất độc thường gặp: Methanol, Cyanide (CN-), thuốc diệt chuột (các muối phot phua, Fluoroacetat, Tetramin, nhóm chống đông máu), hóa chất bảo vệ thực vật(Phospho hữu cơ, Clo hữu cơ, Carbamat, Paraquat và Diquat, Glyphosate, Nereistoxin), alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, quinin, ô đầu-phụ tử; các chất an thần gây ngủ, kim loại nặng độc. Kết quả nghiên cứu giấy chứng nhận thương tích ban đầu và bệnh án: Bệnh nhân vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình lúc 16 giờ 29 phút ngày 13/01/2023 trong tình trạng đau đầu, glasgow 13 điểm, sưng nề đầu vùng cằm, mạch 86 lần/phút, huyết áp 120/60 mmHg, SpO2. Chuẩn đoán chấn thương sọ não, chảy máu dưới nhện nghi do vỡ dị dạng mạch máu, vỡ xương cằm sau ngã. Chuyển Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức lúc 17 giờ 55 phút ngày 13/02/2023. Tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức chuẩn đoán: Chấn thương sọ não, xuất huyết dưới nhện, máu tụ dưới màng cứng, đưng dập, chảy máu nhu mô não trán hai bên. Glasgow của bệnh nhân từ lúc vào viện giảm*

dân. Đến 17 giờ ngày 14/01/2023, bệnh nhân tiên lượng rất nặng, nguy cơ tử vong cao, đã giải thích cho gia đình, gia đình xin ra viện.

2. Nguyên nhân chết: Nạn nhân Đỗ Văn T chết do chấn thương sọ não trên người bị u não và viêm xơ gan mạn”.

Công văn số 229/PC09 ngày 24/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, nội dung “*Nạn nhân Đỗ Văn T chết do chấn thương sọ não. U não và viêm xơ gan mạn không phải là nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông Thiệu. U não và viêm xơ gan mạn là bệnh lý nền (bệnh sẵn có)*”

Tại phiên tòa bị cáo khai toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã bồi thường cho đại diện của bị hại số tiền 200.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa bà Trịnh Thị M khai: Bà là vợ của ông Đỗ văn T. Bà nghe thấy ông T và bị cáo to tiếng với nhau nên bà sang nhà ông T1. Khi bà vào phòng khách nhà ông T1, bà ngồi ghế cùng phía với ông T1 bà thấy ông Thiệu từ cửa bước vào trong nhà, ông Thiệu và bị cáo V tiếp tục chửi nhau. Bị cáo đứng dậy tiến đến chỗ ông T. Ông T có đám vào mặt bị cáo mấy nhát làm cho kính của bị cáo rơi, bà còn nhặt kính cho bị cáo. Bị cáo xông vào ông T, sự việc nhanh quá bà chỉ kịp nhìn thấy bị cáo xô đẩy đám vào ông T, ông Thiệu ngã va vùng lưng, mông vào khung cửa gỗ cửa nhà ông T1, rồi ngã ngửa đập vùng sau gáy xuống nền nhà. Sau đó bà cùng mọi người đưa ông Thiệu về nhà, đưa ông T đi viện. Bà đã nhận số tiền 200.000.000 đồng do bị cáo bồi thường, bà không yêu cầu bị cáo phải trả thêm cho bà bất kỳ khoản tiền nào, bà không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa ông Đỗ Thế T1 khai: Bị cáo Đỗ Ngọc V là chú họ ông. Ông là anh trai của ông Đỗ Văn T. Khoảng 12 giờ trưa ngày 13/01/2023, ông cùng với ông Thiệu và bị cáo cùng ngồi ăn cơm tại gian bếp nhà ông. Tại đây, giữa bị cáo và ông Thiệu đã to tiếng, cãi nhau. Thấy sự việc căng thẳng nên mọi người không ăn nữa lên nhà ngồi uống nước. Ông và bị cáo lên nhà trước, sau đó thì ông T lên sau. Do ông đang mải pha trà nên không trực tiếp nhìn thấy sự việc. Khi ông nghe tiếng “cộc” thì ông nhìn ra thấy ông Thiệu đang nằm ngửa dưới nền nhà hai chân duỗi thẳng ra phía ngoài, đầu quay vào trong buồng, bị cáo chân phải đặt giữa hai chân của ông Thiệu. Ông bảo mọi người khiêng ông Thiệu về nhà.

Tại phiên tòa Bà Lê Thị T2 khai: Trưa ngày 23/01/2023, bà sang nhà ông T1 thấy ông Thiệu đang nằm ngửa ở ngoài hiên nhà ông T1, đầu quay ra ngoài đường, chân quay vào trong nhà. Bà cùng mọi người đưa ông Thiệu về nhà. Khoảng 15 – 20 phút sau có bà Nguyễn Thị A là bác sỹ đến thăm khám cho ông Thiệu. Khoảng 5 – 7 phút sau thì anh Đỗ Trí D đến, lái xe taxi chở ông Thiệu đi viện.

Bản cáo trạng số 89/CT-VKSQP ngày 04/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Đỗ Ngọc V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134 Điều 50, điểm b, o, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện theo pháp luật của bị hại về việc bị cáo đã bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, gồm các khoản chi phí cứu chữa, mai táng, tổn thất về tinh thần, cấp dưỡng cho 02 con dưới 18 tuổi của bị hại. Bị cáo đã bồi thường xong nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại không có ý kiến tranh luận gì với nhau và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, xuất phát từ việc bị hại có lời lẽ xúc phạm, thách thức và hành vi dùng

vũ lực trước nên bị cáo V đã có hành vi gây thương tích cho bị hại, dẫn đến hậu quả làm cho bị hại chết, việc bị hại chết là ngoài ý muốn, ngoài hành vi kiểm soát của bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Đỗ Ngọc V do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P lập; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm tử thi; kết luận giám định mẫu máu thu tại hiện trường số 392/KL-KTHS ngày 14/02/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; kết luận giám định mô bệnh học và độc chất phủ tạng số 394/KL-KTHS ngày 10/02/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; lời khai của đại diện theo pháp luật của bị hại; lời khai của người làm chứng; bản kết luận giám định pháp y về tử thi, cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, tại phòng khách nhà ông Đỗ Thế T1, ở Thôn Đ, xã S, Huyện P, tỉnh Thái Bình, do mâu thuẫn trong lúc cùng ngồi ăn, uống rượu, ông Đỗ Văn T có lời nói xúc phạm, thách thức Đỗ Ngọc V. Khi V và ông T đứng đối diện cách nhau khoảng 60cm - 70cm, ông T vung, khuỷa tay đâm liên tiếp 03 – 04 nhát vào mặt V, làm kính của V bị rơi xuống đất. V đã lao vào hai tay xua gạt, ôm giữ người, đẩy ông T lùi ra cửa chính. Ông T bị va mông lưng vào khung cửa gỗ. V đưa chân phải vào giữa hai chân ông T, kết hợp dùng lực của tay và chân vật xoắn ông T sang bên phải, làm ông T ngã nghiêng trái, đập vùng cằm xuống nền phòng khách lát gạch hoa. Hậu quả: ông T bị chấn thương sọ não tử vong hồi 06 giờ 03 phút ngày 15/01/2023 tại gia đình. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

.....

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều này; ”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và dẫn đến hậu quả làm ông Thiệu chết. Hành vi trên của bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện thuộc loại tội rất nghiêm trọng nên cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; thời điểm phạm tội bị cáo trên 70 tuổi; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, o và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có hành vi tấn công bị cáo trước, đại diện theo pháp luật của bị hại có đơn và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đây được coi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa vi phạm pháp luật.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng và nhân văn của pháp luật. Mức án áp dụng đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo và gia đình bị hại đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường tổng số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Bị cáo và đại diện theo pháp luật của bị hại không đề nghị giải quyết về trách nhiệm dân sự nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên bị cáo là người cao tuổi lại có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; Điều 50; điểm b, o, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc V 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và gia đình bị hại về việc bị cáo đã bồi thường cho đại diện theo pháp luật của bị hại số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường xong.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đỗ Ngọc V.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Đỗ Ngọc V và bà Trịnh Thị M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã S, h.P;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS Công an h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên